

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 127/2023/HS-ST.

Ngày: 16-6-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Hạnh và Ông Lê Công Quyền

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hằng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm trực tuyến tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2023/TLST-HS ngày 15/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-HS ngày 01/6/2023 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Công H**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1979, Nguyên quán: Xã L, Huyện H, tỉnh H.

Nơi ĐKNKTT và Nơi thường trú: Số nhà 58 khối 3, thị trấn T, huyện S, tỉnh H. Nơi ở hiện tại: Phường 26, Quận T, Tp M; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn L (Đã chết) và bà: Phạm Thị L, sinh năm: 1950; Vợ: Đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 2007; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không có.

Bị tạm giam từ ngày 09/11/2022 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Bằng - Luật sư Văn phòng Luật sư Thuần Việt (Địa chỉ: SN 16/118 Phan Bội Châu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá).(Có mặt).

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 211 Trường T, phường B, thành phố H, tỉnh H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, thành phố H.

** Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Hoàng N, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện M, thành phố N

2. Chị Trần Thị Th, Chức vụ: Giám đốc Đ (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 255 Trường T, phường B, thành phố H, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó đã thuê xe ô tô của Công ty TNHH DV-TM T nên ngày 03/9/2010, khi cần phương tiện đi lại, Nguyễn Công H đến ký hợp đồng thuê xe ô tô Innova BKS 36N-0528 với anh Nguyễn Anh T-Giám đốc công ty với giá 900.000đ/ngày, thời hạn thuê 15 ngày, anh T đã giao xe và bản pho tô công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe cho H, H giao cho anh T bản pho to Chứng minh nhân dân. Khoảng 3-4 ngày sau khi thuê xe, do cần tiền chi tiêu cá nhân và có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Đình V ở tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, thành phố H nên H đã trao đổi và thỏa thuận với anh V về việc cầm cố xe khoảng 30 ngày để vay tiền.

Theo lời khai của anh V thì tiền cầm cố xe là của anh Đỗ Hoàng N, nhưng do anh N và H không quen nhau nên anh V đã đứng ra làm hợp đồng cầm cố với H và viết giấy vay tiền của anh N số tiền 250.000.000đ, anh V đã nhận tiền từ N và đưa toàn bộ 250.000.000đ cho H, sau đó giao xe và giấy tờ xe cho anh N. Tuy nhiên, anh Đỗ Hoàng N không thừa nhận có liên quan đến việc cầm cố xe ô tô giữa anh V và H, không đưa tiền cho anh V. Hiện tại cả anh V và anh N đều không có mặt tại nơi cư trú nên không đủ căn cứ chứng minh anh N là người cho H cầm cố xe. Nguyễn Công H không nhớ cụ thể số tiền đã nhận từ anh V.

Ngày 13/9/2010 Nguyễn Công H đến trả 9.000.000đ tiền thuê xe cho anh T, khi đến thời hạn trả xe, H nhờ 01 người lái xe ôm không rõ tên tuổi đến trả 13.500.000đ tiền thuê xe và nói do đang đi công tác nên muốn gia hạn thuê xe thêm, khi nào về sẽ trả xe và thanh toán tiền thuê và được anh T đồng ý. Anh T không biết việc H cầm cố xe cho anh V.

Khi hết hạn thuê, anh T nhiều lần gọi điện yêu cầu trả xe nhưng do không có tiền chuộc xe để trả cho anh T nên Nguyễn Công H đã cắt liên lạc, bỏ vào thành phố M. Ngày 12/9/2011 Nguyễn Công H bị truy nã theo Quyết định truy nã số

59/CATP của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, đến ngày 09/11/2022 Nguyễn Công H bị bắt.

Kết luận định giá tài sản số 160/KL-HĐ ĐGTS ngày 11/11/2022 của Hội đồng định giá kết luận xe ô tô 36N-0528 có giá trị 585.080.000đ. Hiện cơ quan điều tra không thu giữ được xe ô tô. Kết quả xác minh lịch sử tra cứu đăng kiểm từ ngày 01/10/2009 đến ngày 21/12/2022 xe ô tô 36N-0528 không thực hiện đăng kiểm, kiểm định.

Kết luận giám định số 753/KL-KTHS ngày 16/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thanh Hóa kết luận chữ ký, chữ viết trên Hợp đồng thuê xe là của Nguyễn Công H.

Hiện tại anh Nguyễn Anh T yêu cầu được bồi thường trị giá xe là 585.080.000 đ, Nguyễn Công H chưa bồi thường.

Tại phiên hôm nay Luật sư Phạm Bằng nộp cho HĐXX 01 biên lai thu tiền ngày 12/6/2023 số AA/2022/0000598 do chị Nguyễn Thị D em dâu bị cáo tự nguyện nộp tiền 30.000.000đ để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Anh Nguyễn Đình V có hành vi nhận cầm cố xe nhưng không biết là xe do Nguyễn Công H thuê nên không có căn cứ xử lý.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 20/CTr-VKS-P3 ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Công H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2022.

* Về trách nhiệm dân sự: Tuyên buộc bị cáo trả cho anh Nguyễn Anh T 585.080.000 đ được trừ 30.000.000đ đã nộp tại thi hành án. Anh T được nhận số tiền 30.000.000đ tại cơ quan THADS.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm:* Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS và quy định của pháp luật xử phạt bị cáo H dưới mức án VKS đề nghị để bị cáo cải tạo nhanh chóng về với xã hội và khắc phục hậu quả với bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin lỗi bị hại và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên. VKSND tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Công H:*

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Các kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ nhu cầu cần phương tiện đi lại nên ngày 03/9/2010 Nguyễn Công H đã ký hợp đồng thuê xe ô tô 36N-0528 với anh Nguyễn Anh T -Giám đốc công ty TNHH DV-TM T trong thời hạn 15 ngày. Sau khi thuê xe, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Công H đã nảy sinh ý định và đem xe cầm cố cho anh Nguyễn Đình V với thời hạn 30 ngày để vay tiền. Khi đến hạn trả xe, do không có tiền chuộc xe nên H đã cắt liên lạc, bỏ đi khỏi nơi cư trú, không trả xe cho anh T. Ngày 12/9/2011 bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã số 59/CATP của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, đến ngày 09/11/2022 bị bắt. Kết quả định giá xe ô tô 36N-0528 là 585.080.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ

năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì tư lợi. Bị cáo xác định khi cầm cố xe để vay tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo không có tài sản và cũng không có nguồn tài sản nào để có thể trả tiền chuộc xe ô tô trả cho anh T. Như vậy, rõ ràng bị cáo cố ý thức chiếm đoạt và định đoạt chiếc xe mình đã thuê. Hành vi của bị cáo phạm tội vào tháng 9 năm 2010 thì áp dụng vào quy định tại khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng do quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho bị cáo hơn quy định tại khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 26/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự thì cần áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về nhân thân: Bị cáo lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên cho bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần phải xử phạt tù để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ chứng minh về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Đình Văn nên không xem xét xử lý, căn cứ theo hồ sơ vụ án HĐXX xét thấy là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung. Bị cáo là người lao động tự do nên không cấm hành nghề; gia đình hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có khả năng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt tiền, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe ô tô 36N-0528 mà bị cáo đã thuê của anh T, mang đi cầm cố, hiện tại không truy tìm được chiếc xe này với số tiền 585.080.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), cho anh Nguyễn Anh T, theo yêu cầu của anh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Gia đình bị cáo do chị Nguyễn Thị D em dâu đã tự nguyện nộp tiền bồi thường 30.000.000đ, thay cho bị

cáo, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 555.080.000đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Anh T được nhận 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo thu tiền số AA/2022/0000598 ngày 12/6/2023.

Đối với nội dung có liên quan đến việc cầm cố chiếc xe ô tô 36N-0528, vay tiền giữa Nguyễn Công H và anh Nguyễn Đình V là quan hệ dân sự. Hiện tại anh Nguyễn Đình V vắng mặt nơi cư trú, không rõ đi đâu, do đó không có căn cứ để giải quyết phần dân sự, nên tách phần dân sự này ra khi các bên có đề nghị sẽ làm đơn yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 26.203.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm linh ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 175; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Công H phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Công H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 09 tháng 11 năm 2022.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 589 BLDS 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Công H phải bồi thường cho anh Nguyễn Anh T số tiền 585.080.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Đã bồi thường 30.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 555.080.000đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Anh T được nhận 30.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo thu tiền số AA/2022/0000598 ngày 12/6/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong số tiền 555.080.000đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), bên phải thi hành án, còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tách phần dân sự với nội dung có liên quan đến việc cầm cố chiếc xe ô tô 36N-0528, vay tiền giữa Nguyễn Công H và anh Nguyễn Đình V, khi các bên có đề nghị sẽ làm đơn yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo: Nguyễn Công H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 26.203.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm linh ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 6 năm 2023).

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Luật sư;
- TAND, VKSND Cấp cao HN;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND TT Rừng Thông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Đại Long

